

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**Kính gửi: Ủy ban Xã hội của Quốc hội  
Văn phòng Chính phủ  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội  
Bộ Tư pháp  
Bảo hiểm Xã hội Việt Nam**

Trước tiên, các Hiệp hội chúng tôi, đại diện cho nhiều doanh nghiệp trong các ngành hàng chủ lực của Việt Nam có sử dụng nhiều lao động xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc tới các quý Cơ quan vì đã hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các quý Cơ quan trong thời gian tới.

Chúng tôi nhận được Dự thảo Luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi) (sau đây gọi tắt là Dự thảo) qua phiên bản đang được đăng tải trên website của Chính phủ và các Quý Bộ để lấy ý kiến, sau khi xem xét và tổng hợp ý kiến từ một số doanh nghiệp hội viên, chúng tôi có một số ý kiến, cụ thể như sau:

**I. CÁC GÓP Ý CHUNG:**

**1. Về tỷ lệ đóng và tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc (nền đóng)**

• **Nội dung dự thảo:**

- Dự thảo quy định tỷ lệ đóng BHXH đối với NLĐ và NSDLĐ có hợp đồng lao động vẫn giữ như Luật BHXH 2014. Nghĩa là NLĐ đóng 8% (Điều 39) và NSDLĐ đóng 17% (Điều 40) vào quỹ hưu trí và tử tuất.  
⇒ Đây là tỷ lệ đóng cao so với khu vực và thế giới, cụ thể Malysisa đóng 13%, Philippin 10%, Indonesia 8%, Thái Lan 5%, Myanmar 2%...
- Về nền đóng: Điều 37 Dự thảo đưa ra 2 phương án về căn cứ đóng BHXH bắt buộc:  
**Phương án 1:** Tiền lương tháng bao gồm mức lương và phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động (giữ như Luật BHXH 2014)  
**Phương án 2:** Tiền lương tháng bao gồm mức lương và phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật lao động. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH không bao gồm tiền thưởng, các khoản hỗ trợ và trợ cấp khác không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.  
⇒ Phương án 1 tuy có giảm bớt áp lực cho NLĐ và NSDLĐ từ tỷ lệ đóng cao, nhưng do nền đóng phụ thuộc vào kết quả thỏa thuận của NSDLĐ và NLĐ của từng DN nên lại làm mất đi tính đồng bộ của chính sách, làm mất cân đối giữa các DN, khoảng cách thu nhập của NLĐ khi đi làm và về hưu ở nhiều DN rất khác biệt; Phương án 2 cơ bản đóng trên lương thực tế trừ 1 số khoản theo quy định của pháp luật thì với tỷ lệ đóng BHXH như hiện nay và trong Dự thảo thì DN không chịu đựng được, giảm khả năng cạnh tranh và NLĐ sẽ giảm thu nhập.

- **Đề xuất:**
- **Phương án 1:** Đưa tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc của NLĐ và NSDLĐ về mức đóng của năm 2009, tức là NLĐ đóng 5% và NSDLĐ đóng 15%, tổng cộng 20%, chứ không phải 25% hiện nay (NSDLĐ đóng 17% và NLĐ đóng 8%). Tuy nhiên, nền đóng sẽ không căn cứ vào mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác được **thỏa thuận ghi trong HĐLĐ** như hiện nay (đóng trên đầu vào) mà đóng trên 70% thu nhập thực tế của NLĐ (đóng trên đầu ra) như định hướng của Nghị quyết 28-NQ/TW. Như vậy, sẽ khoa học và phù hợp thực tế hơn, thu nhập nhiều - đóng nhiều và thu nhập ít - đóng ít.
- **Phương án 2:** giảm tiếp 20% tỷ lệ đóng so với Phương án 1. Nghĩa là NLĐ đóng 4% và NSDLĐ đóng 12%, tổng cộng 16% nhưng nền đóng sẽ dựa trên thu nhập thực tế, trừ một số khoản không có tính chất lương. Như vậy, nền đóng đã chiếm tới khoảng 90% tiền lương thực tế của NLĐ.
- **Lý do:** Lựa chọn 1 trong 2 Phương án trên sẽ khắc phục được bất cập của tỷ lệ đóng và nền đóng của Luật BHXH 2014, nguồn thu BHXH sẽ không giảm, thu nhập khi đi làm và lương hưu của NLĐ không chênh lệch quá lớn, không còn yếu tố chủ quan (thỏa thuận) nên sẽ cân đối giữa các DN hơn. Tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa có thể nghiên cứu quy định thấp hơn mức 75% (như quy định của nhiều nước trên thế giới) nhưng lương hưu thực lĩnh của NLĐ sẽ cao hơn.

## 2. Về điều kiện hưởng chế độ lương hưu cho NLĐ

- **Nội dung dự thảo:** Điều 106 quy định về mức lương hưu hàng tháng đối với người lao động đủ tuổi về hưu theo quy định.
- **Đề xuất:**  
Bổ sung thêm nội dung: NLĐ được về hưu sớm theo nguyện vọng (Nam: 60 tuổi, nữ: 55 tuổi) khi đã tham gia BHXH đủ 15 năm, mức hưởng lương hưu sẽ theo tỷ lệ đóng BHXH.
- **Lý do:**  
Trên thực tế, lao động VN chủ yếu là lao động chân tay, có rất nhiều trường hợp NLĐ tham gia BHXH từ rất sớm, có thời gian và mức đóng BHXH cao. Như vậy, khi NLĐ đến năm 55-60 tuổi thì sức khỏe cũng đã giảm sút, không đảm bảo được yêu cầu công việc, có nguy cơ mất việc. Nếu NLĐ phải chờ đợi đến đủ tuổi nghỉ hưu thì sẽ gặp khó khăn trong việc đảm bảo chi tiêu cuộc sống. Ngoài ra việc cho phép NLĐ được lựa chọn thời gian nghỉ hưu sớm cũng để trao cơ hội việc làm cho lao động trẻ. Người lao động cũng giảm số năm bị trừ 2% cho mỗi năm về hưu trước tuổi.

## 3. Về chế độ thanh toán BHXH 1 lần

- **Nội dung dự thảo:** Điều 109 đưa ra 2 phương án:  
**Phương án 1:** Sau 12 tháng không thuộc diện đóng BHXH bắt buộc, không tham gia BHXH tự nguyện và có thời gian đóng BHXH chưa đủ 20 năm thì được thanh toán 100% mức BHXH 1 lần như luật hiện hành  
**Phương án 2:** Sau 12 tháng không thuộc diện đóng BHXH bắt buộc, không tham gia BHXH tự nguyện, và có thời gian đóng BHXH chưa đủ 20 năm thì được giải quyết một phần nhưng tối đa không quá 50% tổng thời gian đóng vào quỹ hưu trí tử tuất. Thời gian

đóng BHXH còn lại được bảo lưu để người lao động hưởng chế độ bảo hiểm xã hội khi đủ tuổi nghỉ hưu.

- **Đề xuất:**

Lựa chọn phương án 2 nhưng sửa là: NLD được giải quyết dựa nguyện vọng và được bảo lưu thời gian còn lại với mức hưởng được ghi rõ tại thời điểm rút BHXH.

- **Lý do:**

Đối với những NLD lớn tuổi rất khó xin việc khi bị mất việc. Vì vậy họ mới cân nhắc đến việc rút BHXH 01 lần theo tỷ lệ mong muốn mà vẫn đảm bảo đủ điều kiện hưởng lương hưu khi về già, đảm bảo cuộc sống khi không còn khả năng lao động.

#### 4. Về quyền của NLD và NSDLĐ:

- **Nội dung dự thảo:** Chưa quy định NLD và NSDLĐ được quyền giải đáp khi có thắc mắc, kiến nghị

- **Đề xuất:**

Bổ sung quyền của NLD, NSDLĐ: được giải đáp khi có thắc mắc, kiến nghị

- **Lý do:**

Trong quá trình đóng và thực hiện các thủ tục hưởng chế độ BHXH, NSDLĐ và NLD gặp một số khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên khi hỏi ý kiến và kiến nghị tới các cơ quan chức năng thì rất ít khi nhận được giải đáp hoặc có khi chỉ là các câu trả lời tạm thời, chưa giải quyết triệt để được khó khăn cho NSDLĐ và NLD.

#### 5. Về hình thức giải quyết chế độ BHXH

- **Nội dung dự thảo:** Chưa quy định hình thức giải quyết chế độ BHXH theo hình thức online.

- **Đề xuất:**

Giải quyết chế độ bảo hiểm theo hình thức online để nhanh chóng và thuận tiện cho NLD, NSDLĐ

- **Lý do:**

Cần chuyển đổi hình thức làm hồ sơ, giải quyết các chế độ,... bằng hình thức online để phù hợp hơn với thực tiễn và thuận lợi hơn cho NLD, NSDLĐ

#### 6. Về việc điều chỉnh mức trợ cấp liên quan

- **Nội dung dự thảo:** tại điều 27 và 28 quy định về việc chính phủ quy định mức trợ cấp, thủ tục hưởng các mức trợ cấp.

- **Đề xuất:**

Việc điều chỉnh các mức trợ cấp liên quan được thực hiện bởi quyết định của BHXH

- **Lý do:**

Nhằm tạo điều kiện cho NLD được hưởng chế độ nhanh chóng, thuận tiện.

#### 7. Về đánh giá tác động một số quy định

Đề nghị Ban Soạn thảo đánh giá tác động các quy định đóng – hưởng đối với một số đối tượng như NLD có hợp đồng lao động, NLD làm việc trong các khu vực HCSN, lực lượng vũ trang... có tính chất công việc tương đương để so sánh, làm căn cứ quy định trong Luật BHXH (sửa đổi) cho phù hợp, công bằng.

## II. CÁC GÓP Ý CHI TIẾT CHO DỰ THẢO:

Các góp ý chi tiết cho các Điều khoản trong Dự thảo xin vui lòng xem tại Phụ lục kèm theo.

Các Hiệp hội kính đề nghị các quý Cơ quan xem xét, cân nhắc điều chỉnh và bổ sung mới để Dự thảo được ban hành không những phù hợp với thực tế của DN, mà còn là động lực để thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN

Xin trân trọng cảm ơn!

**HIỆP HỘI GỖ & LÂM SẢN  
VIỆT NAM**  
Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký



**HIỆP HỘI DA GIÀY – TÚI XÁCH  
VIỆT NAM**



**HIỆP HỘI THỰC PHẨM MINH BẠCH**  
Chủ tịch



**HIỆP HỘI NHỰA VIỆT NAM**

Tổng Thư ký



**HIỆP HỘI DỆT MAY VIỆT NAM**



**HIỆP HỘI CHÉ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU  
THỦY SẢN VIỆT NAM**

Tổng Thư ký



Trương Đình Hòa

HỘI MỸ NGHỆ VÀ CHÉ BIẾN  
GỖ TP. HỒ CHÍ MINH

**Tổng Thư ký**  
  
**Nguyễn Chánh Phương**

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP  
ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

**Ủy viên BCH**  
  
**Đỗ Thị Thủy Hương**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu các HH

## CÁC GÓP Ý CHI TIẾT CHO DỰ THẢO LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI (SỬA ĐỔI)

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
1	<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>....</p> <p>2. Người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Chính phủ</p>	<p><b>Điều 31. Đối tượng tham gia BHXH bắt buộc</b></p> <p>....</p> <p>2. NLD là công dân nước ngoài làm việc tại VN thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc khi có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của VN cấp và có hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên với NSDLĐ tại Việt Nam trừ trường hợp di chuyển nội bộ doanh nghiệp hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 của Bộ lao động hoặc thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều ước Quốc tế mà VN ký kết, tham gia có quy định khác</p>	<p>Sửa thành: “2. ...trừ trường hợp di chuyển nội bộ doanh nghiệp hoặc giấy phép lao động được cấp theo hình thức di chuyển nội bộ trong doanh nghiệp hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu ...”</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến đóng góp của DN, bổ sung đối tượng không phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là đối tượng di chuyển nội bộ doanh nghiệp nhưng cần bổ sung thêm trường hợp "giấy phép lao động được cấp theo hình thức di chuyển nội bộ trong doanh nghiệp"</p>
2	<p><b>Điều 85. Mức đóng và phương thức đóng của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc</b></p> <p>1. Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 2 của Luật này, hằng tháng đóng bằng 8% mức tiền lương tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p> <p>Người lao động quy định điểm i khoản 1 Điều 2 của Luật này, hằng tháng</p>	<p><b>Điều 39. Mức đóng và phương thức đóng của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc</b></p> <p>1. Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, h, i và k khoản 1 Điều 31 của Luật này, hằng tháng đóng bằng 8% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p>	<p><b>Phương án 1:</b> Đưa tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc của NLD và NSDLĐ về mức đóng của năm 2009, tức là NLD đóng 5% và NSDLĐ đóng 15%, tổng cộng 20%, chứ không phải 25% hiện nay (NSDLĐ đóng</p>	<p>Lựa chọn 1 trong 2 Phương án trên sẽ khắc phục được bất cập của tỷ lệ đóng và nền đóng của Luật BHXH 2014, nguồn thu BHXH sẽ không giảm, thu nhập khi đi làm và lương hưu của NLD không chênh lệch quá lớn, không còn yếu tố chủ quan (thỏa thuận) nên sẽ cân đối giữa các DN hơn. Tỷ lệ</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>đóng bằng 8% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p> <p>2. Người lao động quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 của Luật này, mức đóng và phương thức đóng được quy định như sau:</p> <p>a) Mức đóng hằng tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng 22% mức tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài, đối với người lao động đã có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; bằng 22% của 02 lần mức lương cơ sở đối với người lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần;</p> <p><b>Điều 86. Mức đóng và phương thức đóng của người sử dụng lao động</b></p> <p>1. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 2 của Luật này như sau:</p> <p>a) 3% vào quỹ ốm đau và thai sản;</p> <p>b) 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;</p> <p>c) 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p> <p>2. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên mức lương cơ sở đối với mỗi</p>	<p>2. Người lao động quy định tại điểm e khoản 1 Điều 31 của Luật này, mức đóng và phương thức đóng được quy định như sau:</p> <p>a) Mức đóng hằng tháng bằng 22% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ hưu trí và tử tuất;</p> <p>b) Người lao động đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo phương thức đóng 03 tháng, 06 tháng, 12 tháng một lần hoặc đóng trước một lần theo thời hạn ghi trong hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.</p> <p>Trường hợp người lao động được gia hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động mới ngay tại nước tiếp nhận lao động thì thực hiện đóng bảo hiểm xã hội theo phương thức quy định tại Điều này hoặc truy nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội sau khi về nước.</p> <p>3. Người LĐ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 của Luật này, mức đóng và phương thức đóng được quy định như sau:</p> <p>a) Mức đóng hằng tháng bằng 22% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ hưu trí và tử tuất;</p> <p>b) Người lao động đóng qua cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức có phụ nhân hoặc phu quân theo phương thức đóng hằng tháng, 03 tháng, 06 tháng một lần.</p>	<p>17% và NLD đóng 8%). Tuy nhiên, nền đóng sẽ không căn cứ vào mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác được <b>thỏa thuận ghi trong HĐLĐ</b> như hiện nay (đóng trên đầu vào) mà đóng trên 70% thu nhập thực tế của NLD (đóng trên đầu ra) như định hướng của Nghị quyết 28-NQ/TW. Như vậy, sẽ khoa học và phù hợp thực tế hơn, thu nhập nhiều - đóng nhiều và thu nhập ít - đóng ít.</p> <p><b>Phương án 2:</b> giảm tiếp 20% tỷ lệ đóng so với Phương án 1. Nghĩa là NLD đóng 4% và NSDLĐ đóng 12%, tổng cộng 16% nhưng nền đóng sẽ dựa trên thu nhập thực tế, trừ một số khoản không có tính chất lương. Như vậy, nền đóng đã chiếm tới khoảng 90% tiền</p>	<p>hưởng lương hưu tối đa có thể nghiên cứu quy định thấp hơn mức 75% (như quy định của nhiều nước trên thế giới) nhưng lương hưu thực lĩnh của NLD sẽ cao hơn.</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>người lao động quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật này như sau:</p> <p>a) 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;</p> <p>b) 22% vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p> <p>3. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng 14% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí và tử tuất cho người lao động quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 của Luật này.</p>	<p><b>Điều 40. Mức đóng và phương thức đóng của người sử dụng lao động</b></p> <p>1. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, h và k Khoản 1 Điều 31 của Luật này như sau:</p> <p>a) 3% vào quỹ ốm đau và thai sản;</p> <p>b) 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p> <p>2. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng 22% tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất vào quỹ hưu trí và tử tuất cho người lao động quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 31 của Luật này.</p> <p>3. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất cho người lao động quy định tại điểm i khoản 1 Điều 31 của Luật này như sau:</p> <p>a) 3% vào quỹ ốm đau và thai sản;</p> <p>b) 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất.</p>	<p>lương thực tế của NLĐ.</p>	
3	<p><b>I. Luật BHXH 2014:</b></p> <p><b>Điều 89. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc</b></p> <p>2. Đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội <b>là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật về lao động.</b></p>	<p><b>Điều 37. Căn cứ đóng BHXH bắt buộc</b></p> <p><b>1. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc</b></p> <p>b)</p> <p><b>Phương án 1:</b></p> <p>NLĐ đóng BHXH theo chế độ tiền lương do NSDLĐ quyết định thì tiền lương làm căn cứ đóng BHXH là tiền lương tháng bao gồm mức lương và phụ cấp lương,</p>		



Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 trở đi, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội <b>là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật về lao động.</b></p> <p>...</p> <p><b>II. Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH</b> Khoản 26. Điều 1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở đi, <b>tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác quy định tại điểm a, tiết b1 điểm b và tiết c1 điểm c khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH (mức lương theo công việc hoặc chứa danh, các khoản phụ cấp lương &amp; các khoản bổ sung xác định được mức tiền cụ thể)</b></p>	<p>các khoản bổ sung khác xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động</p> <p><b>Phương án 2:</b> NLĐ đóng BHXH theo chế độ tiền lương do NSDLĐ quyết định thì tiền lương làm căn cứ đóng BHXH là tiền lương tháng bao gồm mức lương và phụ cấp lương, các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật lao động. Tiền lương làm căn cứ đóng BHXH không bao gồm tiền thưởng, các khoản hỗ trợ và trợ cấp khác không liên quan đến thực hiện công việc hoặc chức danh trong hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động.</p>		
4	<p><b>Điều 99. Giải quyết đăng ký tham gia và cấp sổ bảo hiểm xã hội</b></p> <p>1. Việc giải quyết đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội lần đầu như sau:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tuyển dụng, người sử dụng lao động nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 97 của Luật này cho cơ quan bảo hiểm xã hội;</p>	<p><b>Điều 34. Giải quyết đăng ký tham gia và cấp sổ BHXH</b></p> <p>1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động nộp hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật này cho cơ quan bảo hiểm xã hội</p>	Giữ nguyên thời gian 30 ngày như hiện tại	Đối với những DN lớn, số lượng NLĐ nhiều, DN không kịp làm hồ sơ để báo tăng danh sách NLĐ tham gia BHXH trong vòng 05 ngày kể từ khi ký kết hợp đồng lao động

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
5	<p><b>Quyết định 595/QĐ-BHXH</b>  <b>Điều 7. Phương thức đóng theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Luật BHXH và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:</b>  1. Đóng hàng tháng  Hàng tháng, chậm nhất đến ngày cuối cùng của tháng, đơn vị trích tiền đóng BHXH bắt buộc trên quỹ tiền lương tháng của những NLD tham gia BHXH bắt buộc, đồng thời trích từ tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc của từng người lao động theo mức quy định, chuyển cùng một lúc vào tài khoản chuyên thanh toán của cơ quan BHXH mở tại ngân hàng hoặc kho bạc Nhà nước</p>	<p><b>Điều 40. Mức đóng và phương thức đóng của người sử dụng lao động</b>  ...  6. Thời hạn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chậm nhất đối với người sử dụng lao động được quy định như sau:  a) Ngày thứ 10 của tháng tiếp theo đối với phương thức đóng hằng tháng</p>	<p>Giữ nguyên nội dung này trong dự thảo khi ban hành Luật chính thức</p>	<p>Nhằm tạo điều kiện cho DN</p>
6	<p><b>Điều 20. Quyền của người sử dụng lao động</b>  1. Từ chối thực hiện những yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về BHXH  2. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về BHXH theo quy định của pháp luật</p>	<p><b>Điều 23. Quyền của người sử dụng lao động</b>  1. Từ chối thực hiện những yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về BHXH  2. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về BHXH theo quy định của pháp luật  3. Được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất theo quy định của luật này</p>	<p>- Giữ nguyên nội dung cho phép NSDLĐ được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất khi ban hành luật chính thức  - Bổ sung: NSDLĐ được quyền đóng góp ý kiến xây dựng, được hỏi ý kiến và được giải trình khi không được tiếp thu</p>	<p>Tuy chưa rõ cần phải có điều kiện gì nhưng việc cho phép NSDLĐ được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cũng là 1 điểm có lợi cho DN nếu trong trường hợp gặp khó khăn trong 1 khoảng thời gian nhất định. Ví dụ như trong đợt dịch Covid 19.</p>
7	<p><b>Điều 74. Mức lương hưu hằng tháng</b>  1. ...</p>	<p><b>Điều 106. Mức lương hưu hằng tháng</b>  1. Mức lương hưu hàng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều</p>	<p>Đề nghị bổ sung thêm như sau:</p>	<p>Trên thực tế, NLD Việt Nam chủ yếu là lao động chân tay, có nhiều trường hợp:</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, mức lương hưu hàng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 73 của Luật này được tính bằng 45% mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 79 của Luật này và tương ứng với số năm đóng bảo hiểm xã hội như sau:</p> <p>a) Lao động nam nghỉ hưu vào năm 2018 là 16 năm, năm 2019 là 17 năm, năm 2020 là 18 năm, năm 2021 là 19 năm, từ năm 2022 trở đi là 20 năm;</p> <p>b) Lao động nữ nghỉ hưu từ năm 2018 trở đi là 15 năm.</p> <p>Sau đó cứ thêm mỗi năm người lao động quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính thêm 2%; mức tối đa bằng 75%.</p> <p>3. Việc điều chỉnh lương hưu được thực hiện theo quy định tại Điều 57 của Luật này.</p>	<p>105 của Luật này được tính bằng 45% mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 111 của Luật này tương ứng với 20 năm đóng bảo hiểm xã hội đối với lao động nam và 15 năm đóng bảo hiểm xã hội đối với lao động nữ, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng thì tính thêm 2%; mức tối đa bằng 75%. Đối với lao động nam đủ điều kiện quy định tại Điều 105 của Luật này có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm thì mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu là 2,25%.</p> <p>2. Việc điều chỉnh lương hưu được thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Luật này.</p>	<p><i>“Trong trường hợp NLD mong muốn thì:</i>  <i>+ NLD nữ đủ 55 tuổi và có thời gian đóng BHXH đủ 15 năm thì được quyền về hưu và hưởng lương hưu theo tỷ lệ số năm đóng bảo hiểm</i>  <i>+ NLD nam đủ 60 tuổi và có thời gian đóng BHXH đủ 15 năm thì được quyền về hưu và hưởng lương hưu theo tỷ lệ số năm đóng bảo hiểm”</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NLD tham gia BHXH sớm</li> <li>- Có thời gian đóng BHXH đã đủ 20 năm</li> <li>- Mức đóng BHXH cũng lớn, trong khi đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Đến 55-60 tuổi sức khỏe đã giảm sút, không đảm bảo được yêu cầu công việc, có thể bị mất việc.</li> <li>▪ Nếu chờ đợi đến đủ tuổi nghỉ hưu thì sẽ gặp khó khăn trong việc đảm bảo chi tiêu cuộc sống</li> </ul> </li> </ul> <p>Việc để NLD lớn tuổi về hưu sớm cũng để trao cơ hội việc làm cho lao động trẻ có nhiều cơ hội việc làm hơn</p>
8	<p><b>Điều 4. Các chế độ bảo hiểm xã hội</b></p> <p>2. Bảo hiểm xã hội tự nguyện có các chế độ sau đây:</p> <p>a) Hưu trí;</p> <p>b) Tử tuất.</p>	<p><b>Điều 4. Các chế độ bảo hiểm xã hội</b></p> <p>3. Bảo hiểm xã hội tự nguyện có các chế độ sau đây:</p> <p>a) Thai sản;</p> <p>b) Hưu trí;</p> <p>c) Tử tuất;</p> <p>d) Bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung này khi ban hành luật chính thức</p>	<p>Thêm quyền lợi cho NLD sau khi dừng tham gia BHXH bắt buộc</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
9	<p><b>Điều 18. Quyền của người lao động</b></p> <p>1. Được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Được cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội.</p> <p>3. Nhận lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời, theo một trong các hình thức chi trả sau:</p> <p>....</p> <p>4. Hưởng bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>5. Được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 của Luật này và đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; được thanh toán phí giám định y khoa nếu đủ điều kiện để hưởng bảo hiểm xã hội.</p> <p>6. Ủy quyền cho người khác nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội.</p>	<p><b>Điều 21. Quyền của người lao động</b></p> <p>1. Được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Được cấp sổ bảo hiểm xã hội.</p> <p>3. Nhận các chế độ bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời, thuận tiện.</p> <p>4. Hưởng bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau đây:</p> <p>...</p> <p>5. Được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động nếu thuộc trường hợp đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; được thanh toán phí giám định y khoa nếu đủ điều kiện để hưởng bảo hiểm xã hội.</p> <p>6. Ủy quyền cho người khác nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, Thời hạn ủy quyền không quá 06 tháng kể từ ngày xác lập việc</p>	<p>NLĐ được hỏi ý kiến và được giải trình khi không được tiếp thu, hướng dẫn cho mọi thắc mắc khiếu nại, được yêu cầu và được cơ quan BH xác nhận, được bồi thường cho những chi phí phát sinh liên quan trong thời gian quá thời hạn giải quyết</p>	<p>Có rất nhiều trường hợp NLĐ gặp khó khăn trong quá trình đóng và thanh toán chế độ BHXH. Tuy nhiên khi NLĐ hoặc NSDLĐ thắc mắc, kiến nghị thì không được trả lời rõ ràng</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
10	<p><b>Điều 61. Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội</b></p> <p>Người lao động khi nghỉ việc mà chưa đủ điều kiện để hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 54 và Điều 55 của Luật này hoặc chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định tại Điều 60 của Luật này thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội</p>	<p><b>Điều 78. Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội</b></p> <p>Người lao động khi nghỉ việc mà chưa đủ điều kiện để hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Luật này hoặc chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định tại Điều 78 của Luật này thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội</p>	<p>- Quy định rõ chốt bảo lưu thời gian còn lại</p> <p>- Ghi nhận khoảng thời gian bảo lưu còn lại trong cả 2 sổ (sổ bảo hiểm và sổ online) hoặc cơ quan bảo hiểm tự xác nhận trong trường hợp NLD làm mất sổ hoặc dựa trên giấy tờ NLD có và các tài liệu liên quan</p>	<p>Chưa quy định chi tiết quy định bảo lưu thời gian còn lại</p>
11	<p><b>Điều 73. Điều kiện hưởng lương hưu</b></p> <p>1. Người lao động hưởng lương hưu khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi;</p> <p>b) Đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.</p> <p>2. Người lao động đã đủ điều kiện về tuổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm thì được đóng cho đến khi đủ 20 năm để hưởng lương hưu.</p>	<p><b>Điều 105. Điều kiện hưởng lương hưu</b></p> <p>Người lao động hưởng lương hưu khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>1. Đủ 61 tuổi 03 tháng đối với nam và đủ 56 tuổi 08 tháng đối với nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với nam cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 và cứ mỗi năm tăng thêm 04 tháng đối với nữ cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035.</p> <p>2. Đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.</p>	<p>Giữ nguyên nội dung này khi ban hành Luật chính thức</p>	<p>Đối với điều kiện số năm tối thiểu tham gia BHXH: Tốt hơn cho NLD</p>
12	<p><b>Điều 77. Bảo hiểm xã hội một lần</b></p> <p>1. Người lao động quy định lại khoản 1 Điều 2 của Luật này mà có yêu cầu thì được hưởng bảo hiểm xã hội một lần nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p><b>Điều 109. Bảo hiểm xã hội một lần</b></p> <p><b>I.</b> Người lao động quy định lại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này mà có yêu cầu thì được hưởng bảo hiểm xã hội một</p>	<p>Lựa chọn phương án 2 nhưng sửa: được giải quyết dựa trên tỷ lệ mà NLD yêu cầu</p>	<p>Đối với những NLD lớn tuổi rất khó xin việc khi bị mất việc. Vì vậy họ mới cân nhắc đến việc rút BHXH 01 lần theo tỷ lệ mong muốn mà vẫn đảm bảo đủ điều</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>a) Đủ tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 54 của Luật này mà chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội hoặc theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này mà chưa đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội và không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện;</p>	<p>lần nêu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội và không tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện;  <b>Phương án 1:</b>  đ) Sau 12 tháng không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm;  <b>Phương án 2:</b>  đ) Sau 12 tháng không thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ 20 năm mà người lao động có yêu cầu thì được giải quyết một phần nhưng tối đa không quá 50% tổng thời gian đã đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất. Thời gian đóng BHXH còn lại được bảo lưu để người lao động hưởng chế độ bảo hiểm xã hội khi đủ tuổi nghỉ hưu.</p>		<p>kiện hưởng lương hưu khi về già, đảm bảo cuộc sống khi không còn khả năng lao động</p>
13	Chưa quy định	<p><b>Điều 27. Các chế độ</b>  1. Trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng  Đối tượng quy định tại Điều 26 của Luật này được hưởng mức trợ cấp bằng 500.000 đồng/người/tháng.  2. Bảo hiểm y tế  Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y</p>	<p>- Điều chỉnh khoản 4: Hằng năm, BHXH VN sẽ điều chỉnh mức trợ cấp tại Khoản 1 theo CPI và thực hiện từ 01/01 hằng năm nhưng không thấp hơn chỉ số giá tiêu dùng</p>	<p>- Hằng năm chỉ số CPI vẫn tăng, vì vậy các trợ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể cũng phải tăng để phù hợp với chỉ số CPI. Và BHXH có thể chủ động điều chỉnh mức trợ cấp tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này theo CPI và thực hiện từ 01/01  - Mức trợ cấp mai táng</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
		<p>tế.</p> <p>3. Trợ cấp mai táng</p> <p>a) Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội chết thì người lo mai táng được nhận một lần trợ cấp mai táng;</p> <p>b) Mức trợ cấp mai táng bằng 10.000.000 đồng.</p> <p>4. Chính phủ quy định việc điều chỉnh mức trợ cấp tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này trên cơ sở mức tăng của chi số giá tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế phù hợp với ngân sách nhà</p>	<p>- Sửa khoản 3: mức trợ cấp mai táng bằng 20.000.000 đồng</p>	<p>10.000.000 là rất thấp so với thực tế hiện tại</p>
14	Chưa quy định	<p><b>Điều 28. Thời điểm hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng, trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội</b></p> <p>1. Thời điểm hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này kể từ tháng người đó đủ điều kiện và đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội</p> <p>2. Chính Phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội</p>	<p>- Bỏ quy định yêu cầu phải có "đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội"</p> <p>- Sửa khoản 2: Người dân đủ điều kiện và nộp đơn theo mẫu quy định của BHXH. BHXH ban hành quy định chi tiết mẫu đơn</p>	<p>- BHXH là cơ quan độc lập, chỉ cần BHXH có mẫu đơn rõ ràng để người dân nộp đơn hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng</p> <p>- Thêm nữa, người 80 tuổi đã già, không có nơi nương tựa, không có trợ cấp BHXH, không có lương hưu, con cháu cũng bận rộn, đối tượng này không thể thực hiện nhiều thủ tục trình tự như trong dự thảo</p>
15	<p><b>'Điều 96. Sổ bảo hiểm xã hội</b></p> <p>1. Sổ bảo hiểm xã hội được cấp cho từng người lao động để theo dõi việc đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội là cơ sở để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.</p> <p>2. Đến năm 2020, sổ bảo hiểm xã hội sẽ được thay thế bằng thẻ bảo hiểm xã hội.</p>	<p><b>'Điều 32. Sổ bảo hiểm xã hội</b></p> <p>1. Sổ bảo hiểm xã hội được xây dựng trên môi trường điện tử và được cấp cho từng người lao động để theo dõi việc đóng, hưởng, là cơ sở để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của Luật này</p>	<p>Đề nghị bổ sung thêm:</p> <p><i>"Trong trường hợp sổ điện tử có bị lỗi thì người lao động được phép đối chiếu với sổ giấy và các căn cứ liên quan khác"</i></p>	<p>- Không phải ai cũng có thể sử dụng theo phương thức điện tử, đặc biệt là những người già, những người ở nông thôn</p> <p>- Với phương thức điện tử: Trong trường hợp bị hack, lỗi, thông tin bị mất cần phải có giải</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
		<p>và chế độ theo quy định tại Điều 29 của Luật này.</p> <p>2. Chính phủ quy định cụ thể về nội dung, cách thức khai thác, sử dụng Sổ bảo hiểm xã hội và trình tự, thủ tục tham gia, giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội bằng phương thức giao dịch điện tử.</p>		<p>pháp để NLD được đảm bảo quyền lợi</p>
16	<p><b>Điều 25. Điều kiện hưởng chế độ ốm đau</b></p> <p>...</p> <p>2. Phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.</p>	<p><b>Điều 46. Điều kiện hưởng chế độ ốm đau</b></p> <p>...</p> <p>2. Phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.</p> <p>3. Người lao động không được giải quyết chế độ ốm đau trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Do tự hủy hoại sức khỏe, sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định;</p> <p>b) Nghỉ việc điều trị lần đầu do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;</p> <p>c) Trong thời gian đang nghỉ phép hàng năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương, ngừng việc theo quy định của pháp luật lao động; nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.</p>	<p>- <b>Đối với khoản 2:</b> Áp dụng cho NLD phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 15 tuổi</p> <p>- <b>Đối với khoản 3:</b> Bỏ quy định tại b; c khoản 3 điều này. Riêng đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ thai sản mà bị ốm đau và có số ngày nghỉ hưởng chế độ ốm đau vượt quá số ngày nghỉ chế độ thai sản thì những ngày nghỉ chế độ thai sản sẽ không được hưởng chế độ ốm đau.</p>	<p>- <b>Đối với khoản 2:</b> Trẻ em dù trên 07 tuổi nhưng vẫn chưa thể tự phục vụ bản thân khi bị ốm, NLD vẫn phải nghỉ làm để chăm con</p> <p>- <b>Đối với khoản 3:</b> Bảo hiểm là để chi trả những lúc rủi ro trong khi ốm đau là không biết trước được. Việc đóng tiền bảo hiểm để phòng ngừa rủi ro; mà lại không cho hưởng chế độ ốm đau thì quá thiệt thòi cho NLD; trong lúc nghỉ NLD và con cái họ vẫn có rủi ro bị ốm đau</p> <p>- Nếu để phòng tránh trường hợp trục lợi thì phải có cơ chế điều tra và phạt vi phạm riêng</p>
17	<p><b>Điều 26. Thời gian hưởng chế độ ốm đau</b></p> <p>1. Thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau trong một năm đối với người lao động ... được quy định như sau:</p>	<p><b>Điều 47. Thời gian hưởng chế độ ốm đau</b></p> <p>1. Thời gian tối đa hưởng chế độ ốm đau trong một năm đối với người lao động ... được quy định như sau:</p>	<p>- Về Khoản 1 Điều 47, khoản 1 điều 48 và Khoản 2 Điều 49: Chỉ quy định mức</p>	<p>- Về Khoản 1 Điều 47 và Khoản 2 Điều 49, khoản 1 điều 48: Nguyên tắc của BH là chia sẻ, đặc biệt BH sức khỏe thì ý nghĩa chia sẻ càng lớn vì vậy đề</p>



Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>a) Làm việc trong điều kiện bình thường thì được hưởng 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên;</p> <p>...</p> <p>2. Người lao động nghỉ việc do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành thì được hưởng chế độ ốm đau như sau:</p> <p>a) Tối đa 180 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần;</p> <p>b) Hết thời hạn hưởng chế độ ốm đau quy định tại điểm a khoản này mà vẫn tiếp tục điều trị thì được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn nhưng thời gian hưởng tối đa bằng thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội.</p>	<p>a) Làm việc trong điều kiện bình thường thì được hưởng 30 ngày nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm; 40 ngày nếu đã đóng từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm; 60 ngày nếu đã đóng từ đủ 30 năm trở lên;</p> <p>...</p> <p>2. Hết thời hạn hưởng chế độ ốm đau quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn tiếp tục điều trị thì người lao động nghỉ việc do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành được hưởng tiếp chế độ ốm đau với mức thấp hơn.</p>	<p>đóng tối thiểu để được hưởng chế độ ốm đau.</p> <p><b>- Về Khoản 2 Điều 47:</b> Giữ nguyên quy định 180 ngày như hiện tại</p> <p><b>- Về Khoản 5 Điều 49:</b> Giữ nội dung đề xuất về mức hưởng trợ cấp ốm nửa ngày khi ban hành Luật chính thức. Có cơ chế thực hiện song song tại các bệnh viện cũng sẽ cấp giấy ốm 1/2 ngày cho NLĐ khi đi khám nửa ngày</p>	<p>nghị bỏ quy định về mức hưởng ốm đau dựa trên thời gian đóng BHXH theo Khoản 1 Điều 47 và Khoản 2 Điều 49 trong dự thảo Luật.</p> <p><b>- Về Khoản 2 Điều 47:</b> Có những bệnh thời gian điều trị đã trên 60 ngày. Đối với những NLĐ không may bị mắc bệnh dài ngày (ví dụ: ung thư) đã rất thiệt thòi về sức khỏe. Hơn nữa chi phí điều trị cũng rất tốn kém. Nếu không được hưởng chế độ ốm đau 180 ngày như hiện tại thì rất thiệt thòi cho NLĐ</p> <p><b>- Về Khoản 5 Điều 49:</b> Đã tiếp thu ý kiến của DN</p>
18	<p><b>Điều 28. Mức hưởng trợ cấp ốm đau</b></p> <p>2. Người lao động hưởng tiếp chế độ ốm đau quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Luật này thì mức hưởng được quy định như sau:</p> <p>a) Bằng 65% mức tiền lương ...nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 30 năm trở lên;</p> <p>b) Bằng 55% mức tiền lương ...nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm;</p>	<p><b>Điều 49. Mức hưởng trợ cấp ốm đau</b></p> <p>2. Người lao động hưởng tiếp chế độ ốm đau quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật này thì mức hưởng được quy định như sau:</p> <p>a) Bằng 65% mức tiền lương ...nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 30 năm trở lên;</p> <p>b) Bằng 55% mức tiền lương ...nếu đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm;</p>		

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
	<p>c) Bằng 50% mức tiền ...nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm.</p> <p>...</p> <p>4. Mức hưởng trợ cấp ốm đau một ngày được tính bằng mức trợ cấp ốm đau theo tháng chia cho 24 ngày.</p>	<p>c) Bằng 50% mức tiền lương ...nếu đã đóng bảo hiểm xã hội dưới 15 năm.</p> <p>...</p> <p>5. Mức hưởng trợ cấp ốm đau nửa ngày được tính bằng một phần hai mức trợ cấp ốm đau một ngày.</p> <p>Khi tính mức hưởng trợ cấp ốm đau đôi với người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau không trọn ngày thì trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ dưới nửa ngày được tính là nửa ngày; từ nửa ngày trở lên được tính là một ngày.</p>		
19	<p><b>Điều 33. Thời gian hưởng chế độ khi sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý</b></p> <p>1. Khi sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý thì lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thời gian nghỉ việc tối đa được quy định như sau:</p> <p>...</p> <p>c) 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi;</p> <p>d) 50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên.</p>	<p><b>Điều 57. Thời gian hưởng chế độ khi đình chỉ thai nghén</b></p> <p>1. Khi đình chỉ thai nghén thì lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thời gian nghỉ việc được quy định như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Tối đa 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 22 tuần tuổi;</p>	<p>Quy định cụ thể trường hợp bị đình chỉ thai nghén đối với thai từ 22 tuần tuổi trở lên theo chế độ đẻ non, con chết dưới 02 tháng tuổi trong Luật này</p>	<p>Theo Ban soạn thảo, quy định này là để phù hợp với quy định tại Thông tư 56/2017/TT-BYT Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại TT 56/2017/TT-BYT, tại Phụ lục 3, mục Hướng dẫn ghi giấy ra viện: Ghi chỉ định điều trị trường hợp phải đình chỉ thai nghén từ 22 tuần tuổi trở lên ghi rõ là đẻ thường, đẻ thủ thuật hay đẻ mổ và ghi chú là đẻ non con chết</p> <p>Như vậy đối với trường hợp bị đình chỉ thai nghén đối với thai từ 22 tuần tuổi trở lên sẽ được áp dụng mức hưởng trợ cấp ốm đau là trường hợp đẻ non con chết dưới 2 tháng tuổi (nghỉ 4 tháng thai sản). Tuy nhiên đối với</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
				trường hợp này chưa quy định rõ trong dự thảo Luật lần này
20	<p><b>Điều 29. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau</b></p> <p>1. Người lao động đã nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau đủ thời gian trong một năm theo quy định tại Điều 26 của Luật này, trong khoảng thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc mà sức khỏe chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày trong một năm.</p> <p>...</p> <p>3. Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau một ngày bằng 30% mức lương cơ sở.</p>	<p><b>Điều 50. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau</b></p> <p>1. Người lao động đã nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong một năm, trong khoảng thời gian 30 ngày đầu kể từ này kết thúc hưởng chế độ ốm đau mà sức khỏe của người lao động chưa phục hồi thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tối đa 10 ngày trong một năm.</p> <p>...</p> <p>3. Mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau một ngày bằng 540.000 đồng.</p>	<p>- Khoản 1: + Bổ quy định tối đa 10 ngày/ năm</p> <p>Khoản 3: Đề xuất 2 phương án: + P/a1: Bổ sung "tự động cộng 5% nếu CPI dưới 5 và 10% nếu CPI dưới 10" + P/a 2: Hằng năm mức hưởng sẽ nhân theo hệ số CPI. BHXH sẽ ban hành quy định hướng dẫn và có hiệu lực từ ngày 01/01 hằng năm</p>	<p>- <b>Khoản 1:</b> Ốm đau là điều không ai mong muốn, khi NLD ốm đau và cần được nghỉ ngơi để phục hồi sức khỏe thì phải tạo điều kiện cho NLD nên quy định chỉ được tối đa 10 ngày/năm là vô lý.</p> <p>- <b>Khoản 3:</b> Hằng năm chỉ số CPI vẫn tăng, để đảm bảo quyền lợi cho NLD thì mức hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm cũng phải phụ thuộc theo chỉ số CPI hằng năm</p>
21	<p><b>Điều 21. Trách nhiệm của người sử dụng lao động</b></p> <p>7. Định kỳ 06 tháng, niêm yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu.</p>	<p><b>'Điều 24. Trách nhiệm của người sử dụng lao động</b></p> <p>Bổ quy định 06 tháng 1 lần NSDLĐ phải niêm yết công khai thông tin đóng BHXH NLD</p>	Giữ nguyên nội dung này khi ban hành luật chính thức	Tạo điều kiện cho DN, giảm tải công việc cho DN, phù hợp hơn trong thời đại công nghệ số khi mà NLD đều có thể theo dõi quá trình đóng BHXH của mình qua phần mềm VSSID
22	Chưa quy định	<b>Điều 30. Trình tự, thủ tục thực hiện chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội</b>	<p>- Bỏ sổ bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm có trách nhiệm rà soát và gửi thông báo theo online/ theo dữ liệu</p>	<p>- Bỏ sổ bảo hiểm vì BHXH đã có dữ liệu điện tử</p> <p>- Đơn đề nghị hưởng chế độ theo mẫu của BHXH theo hình thức online để tạo điều kiện cho</p>

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
		<p>1. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này gửi hồ sơ đến cơ quan bảo hiểm xã hội bao gồm:</p> <p>a) Sổ bảo hiểm xã hội;</p> <p>b) Đơn đề nghị hưởng chế độ.</p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết và tổ chức chi trả cho người lao động; trường hợp không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</p>	<p>dân cư/ gửi về gia đình</p> <p>- Đơn đề nghị hưởng chế độ theo mẫu của BHXH theo hình thức online</p>	<p>NLĐ được hưởng chế độ nhanh chóng, thuận tiện</p>
23	<p><b>Điều 98. Điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội</b></p> <p>1. Người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản với cơ quan bảo hiểm xã hội khi có thay đổi thông tin tham gia bảo hiểm xã hội.</p> <p>2. Hồ sơ điều chỉnh thông tin cá nhân của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai điều chỉnh thông tin cá nhân;</p> <p>b) Sổ bảo hiểm xã hội;</p> <p>c) Bản sao giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>'Điều 35. Điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và BHXH tự nguyện</b></p> <p>1. Người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản với cơ quan bảo hiểm xã hội khi có thay đổi thông tin tham gia bảo hiểm xã hội.</p> <p>2. Hồ sơ điều chỉnh thông tin cá nhân của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bao gồm:</p> <p>a) Tờ khai điều chỉnh thông tin cá nhân;</p> <p>b) Bản sao giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc điều chỉnh thông tin cá nhân theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Có cơ chế hướng dẫn để thực hiện điều chỉnh thông tin tham gia BHXH bằng hình thức online để phù hợp hơn với thực tiễn</p>	<p>Đối với hồ sơ điều chỉnh thông tin thì cần bổ sung hình thức online để phù hợp với thực tiễn tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ</p>
24	<p><b>Điều 100. Hồ sơ hưởng chế độ ốm đau</b></p>	<p><b>Điều 51. Hồ sơ hưởng chế độ ốm đau</b></p>	<p>Bổ sung thêm hình thức làm hồ sơ online</p>	<p>Như đã nói ở trên, cần chuyển đổi hình thức làm hồ sơ, giải quyết các chế độ,... bằng hình thức online để phù hợp hơn với</p>
25	<p><b>Điều 101. Hồ sơ hưởng chế độ thai sản</b></p>	<p><b>Điều 67. Hồ sơ hưởng chế độ thai sản</b></p>		

Stt	Luật BHXH 2014	Dự thảo	Đề xuất	Lý do
26	<b>Điều 108. Hồ sơ hưởng lương hưu</b>	<b>Điều 83. Hồ sơ hưởng lương hưu đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc</b>		thực tiễn và thuận lợi hơn cho NLĐ, NSDLĐ
27	<b>Điều 111. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất</b>	<b>Điều 95. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất</b>		